TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2017
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Liêu Thị Y.

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông H Đớk H.

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Liêu Thị Y trình bày:

Bà Liêu Thị Y và ông H Đớk H tự nguyện cưới nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, Bà Y, ông H chung sống hạnh phúc. Đến năm 2007, bà Y, ông H phát sinh mâu thuẫn vì ông H thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến gia đình, không chịu phụ bà Y mua, bán để nuôi con. Mỗi

khi bà Y đi bán về trễ vì chợ ế thì ông H chửi bà Y bằng những lời lẽ thô tục khó nghe, thậm chí còn đánh đập bà Y. Ông H đã dùng bạo lực gia đình đối với bà Y. Bà Y đã nhẫn nại chịu đựng và khuyên ông H sửa đổi nhưng ông H không khắc phục được. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không có tương lai nên bà Y quyết định ly hôn.

Trong thời gian chung sống bà Y và ông H có hai con chung là H Đởk Y C sinh ngày 26/01/1998 và H Đơk Thị Phương N sinh ngày 27/02/2007.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Liêu Thị Y yêu cầu Toà án giải quyết :

- Về hôn nhân: Bà Liêu Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông H Đởk Hùng.

- Về con chung: H Đởk Y C, sinh ngày 26/01/1998 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H Đơk Thị Phương N, sinh ngày 27/02/2007 và không yêu cầu ông H Đởk H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông H Đởk H trình bày:

Ông H và bà Y tự nguyện cưới nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào thời gian nào thì ông H không nhớ. Sau khi kết hôn, ông H, bà Y chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H đi ăn nhậu bà Y không đồng ý. Ông H cũng có khi mắng chửi bà Y những lời khó nghe. Ông H cũng đã năn nỉ bà Y bỏ qua cho ông H nhưng bà Y không đồng ý.

Trong thời gian chung sống ông H và bà Y có hai con chung là H Đởk Y C, sinh ngày 26/01/1998 và H Đơk Thị Phương N, sinh ngày 27/02/2007.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay trước yêu cầu của bà Liêu Thị Y, ông H trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Ông H không đồng ý ly hôn với bà Y vì ông H còn thương bà Y. Còn nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H Đơk Thị Phương N, sinh ngày 27/02/2007 và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu H Đởk Y C, sinh ngày 26/01/1998 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa bà Liêu Thị Y và ông H Đởk H là quan hệ vợ chồng; về con chung giao cháu H Đơk Thị Phương N, sinh ngày 27/02/2007 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêu Thị Y, sinh năm 1983 (tại phiên tòa bà Y trình bày tuổi thật là sinh năm 1980 nhưng do cha, mẹ bà Y khai khi đăng ký khai sinh bị nhầm nên ghi năm sinh là năm 1983 và gia đình bà sử dụng năm sinh 1983 cho đến nay) và ông H Đởk H, sinh năm 1977 tự nguyện cưới nhau vào năm 1997. Bà Yến trình bày bà và ông H không có đăng ký kết hôn, còn ông H trình bày ông và bà Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 08/8/2017, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì theo hồ sơ lưu từ năm 1997 đến nay ông H Đởk H, sinh năm 1977 và bà Liêu Thị Y, sinh năm 1983 không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định ông H Đởk H và bà Liêu Thị Y không có đăng ký kết hôn.

[2] Bà Liêu Thị Y và ông H Đởk H tự nguyện cưới nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ giữa bà Y và ông H không phải là quan hệ vợ chồng. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn, ông H thường hay ăn nhậu, không quan tâm, lo cho gia đình nên từ tháng 7 năm 2017 bà Y với ông H không còn sống chung cho đến nay. Do tình cảm không còn nên bà Y đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án để xin ly hôn.

[3] Xét lý do xin ly hôn của bà Y, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Y và ông H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Liêu Thị Y và ông H Đởk H là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Liêu Thị Y và ông H Đớk H có 02 con chung tên H Đớk Y C, sinh ngày 26/01/1998 và H Đơk Thị Phương N, sinh ngày 27/02/2007. Cháu H Đớk Y C, sinh ngày 26/01/1998 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Cháu H Đơk Thị Phương N, sinh ngày 27/02/2007, tại phiên tòa, bà Y và ông H đều có yêu cầu được nuôi cháu H Đơk Thị Phương N. Xét yêu cầu được nuôi cháu H Đơk Thị Phương N của bà Yến, từ khi cháu N sinh ra cho đến nay thì cháu N đều do bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện nay cháu N đang sống chung với bà Y, do bà Y trực tiếp chăm sóc nên về mặt tình cảm cháu N gắn bó với bà Y nhiều hơn và tại văn bản ghi ý kiến ngày 21/7/2017, cháu N có nguyện vọng được sống chung với bà Y nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu H Đơk Thị Phương N cho bà Y nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Do yêu cầu được nuôi con chung cháu H Đơk Thị Phương N của bà Y được chấp nhận nên yêu cầu được nuôi cháu H Đơk Thị Phương N của ông H Đớk H không được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Căn cứ vào Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông H Đớk H, không ai được quyền cản trở; ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Y.

[7] Về tài sản chung: Bà Y và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà Y và ông H thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà Liêu Thị Y là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông H Đớk H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4

Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Liêu Thị Y và ông H Đớk H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu H Đơk Thị Phương N, sinh ngày 27/02/2007 cho bà Liêu Thị Y nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông H Đớk H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông H Đớk H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Y.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà Y và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Y và ông H thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Bà Liêu Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006383 ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Liêu Thị Y đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn